

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 346/2026/HC-PT
Ngày: 08 – 4 – 2026
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 48/2026/TLPT-HC ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 424/2025/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 351/2026/QĐPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 146/7 Ấp A xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: H L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đỗ Văn L1 – Công tác tại Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện N – Sở N (vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N;

3. Ủy ban nhân dân huyện N;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân huyện N: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B N, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc K – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Đình T – Chức vụ: Phó trưởng Phòng Kinh tế xã H. (có mặt)

- Ông Võ Thành H – Chức vụ: Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã H (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H1 – Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế xã H (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Lê Thị Thùy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lê Thị Thùy L trình bày:

Khoảng đầu năm 2021 bà Lê Thị Thùy L nhận Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 02/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ trong dự án khu công nghiệp H, giai đoạn 2 tại xã H, huyện N.

Không đồng ý Quyết định số 123/QĐ-UBND, bà L làm đơn khiếu nại vì bà cho rằng diện tích 141,2m² loại đất CLN thuộc phần thửa 130-131 tờ bản đồ 37 xã H (theo tài liệu bản đồ số), (tài liệu bản đồ 02/CT UB đo đạc năm 1991 thuộc một phần thửa đất 130 = 63.8m², thửa 131= 86m², thửa 132 = 8.6m² tờ bản đồ số 37 có nguồn gốc do bà L chuyển nhượng bằng giấy tay, nhà bà L mua năm 2003 là có nhà sẵn, bà chỉ sửa chữa lại ở ổn định căn nhà trên cho tới nay, căn nhà bà L mua không ai tranh chấp chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà xây dựng trên thửa 131,132 tờ bản đồ số 37 không xử phạt vi phạm hành chính, ngoài căn nhà trên bà L không có căn nhà nào khác để ở tại xã H.

Ngày 18/5/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ra Quyết định số 570/QĐ UBND trả lời việc khiếu nại với nội dung, không công nhận việc khiếu nại của bà Lê Thị Thùy L khiếu nại quyết định số 123/QĐ UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N.

Sau đó, bà L tiếp tục khiếu nại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 05/11/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ra Quyết định số 5012/QĐ-UBND về việc khiếu nại của bà L lần hai với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị Thùy L, yêu cầu bà Lê Thị Thùy L thực hiện quyết định 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Bà L không đồng ý với các quyết định trên nên bà L đã nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết:

Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lê Thị Thùy L, địa chỉ 146/7 tổ G, ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án Khu công nghiệp H, giai đoạn 2 tại xã H, huyện N;

Hủy Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Thùy L;

Hủy Quyết định số 5012/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Thùy L (lần hai).

Tại Văn bản trình bày ý kiến số 174/UBND-NCPC ngày 10/7/2025, Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trình bày:

Phần đất có diện tích 141,2m² của bà Lê Thị Thùy L bị ảnh hưởng trong Dự án Khu công nghiệp H (giai đoạn 2) thuộc một phần thửa số 3, diện tích 125,5m², loại đất lúa (L) và 15,7m² rạch (R), Tờ bản đồ số 17, Tài liệu 02/CT-UB; tương ứng một phần thửa số 130, diện tích 63,8m², loại đất thổ (T); thửa số 131, diện tích 66m², loại đất thổ (T); một phần thửa số 132, diện tích 8,6m², loại đất hoang bằng (Hg/b) và 2,8m² rạch (R), Tờ bản đồ số 37 theo Tài liệu bản đồ số thuộc Bộ địa chính xã H; có nguồn gốc của ông Ngô Văn H2 được Ủy ban

nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L503069 ngày 12 tháng 8 năm 1998, loại đất lúa (L), Tờ bản đồ số 17 và sau đó bị thu hồi theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017; phần đất trên được ông Ngô Văn H2 chuyển nhượng bằng giấy tay cho người khác. Năm 2003, bà Nguyễn Thị Ngọc Á và bà Mai Thị Kim C1 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Thùy L bằng giấy tay. Bà L sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp, chưa được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Nhà và công trình trên đất (cấu trúc số 1, 2, 3 gồm mái tôn, cột đà, tường gạch, nền gạch) theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 064/NB.KCNHP ngày 26 tháng 4 năm 2019 do bà Nguyễn Thị Ngọc Á và bà Mai Thị Kim C1 xây dựng năm 2001, không xin giấy phép xây dựng, không bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa được công nhận theo quy định; cấu trúc nhà số D, 6, 7 do bà L xây dựng năm 2005, sử dụng vào mục đích ở ổn định, không tranh chấp, nhà xây dựng không phép, không bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa được công nhận theo quy định. Phần diện tích nhà, đất nêu trên nằm trong quy hoạch đất cây xanh cách ly theo Quyết định số 6981/QĐĐUB-QLĐT ngày 23 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố, quy hoạch hiện nay là khu công nghiệp theo Quyết định số 2706/QĐ- UB-QLĐT ngày 31/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 18/5/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 576/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Lê Thị Thùy L với nội dung bác yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 141,2m² bị ảnh hưởng tại Dự án theo đơn giá đất ở tại Dự án Khu Công nghiệp H, giai đoạn 2.

Căn cứ điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 15, Khoản 2 Điều 16 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Khoản 2 Mục II, Khoản 4 Mục III, Phần V Phương án số 141/PABT-HĐBT ngày 25/10/2011 của Hội đồng bồi thường của Dự án quy định về một số trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất thì việc Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) tính bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị Thùy L theo loại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm không mặt tiền đường xã H với đơn giá 200.000 đồng m² là đúng quy định.

Việc bà Lê Thị Thùy L khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 141,2m² theo giá đất ở là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Do đó, ngày 05/11/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định giải

quyết khiếu nại (lần hai) số 5012/QĐ-UBND với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N là phù hợp quy định. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng giữ nguyên nội dung giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 5012/QĐ-UBND nêu trên.

Tại Văn bản trình bày ý kiến số 1596/UBND-BBT ngày 05/6/2025, Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:

Ngày 02/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lê Thị Thùy L, địa chỉ 146/7 Tổ G, Ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án Khu công nghiệp H, giai đoạn 2 tại xã H, huyện N. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 135.243.896 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng).

Không đồng ý với quyết định nêu trên, bà Lê Thị Thùy L thực hiện việc khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà Lê Thị Thùy L (lần đầu) theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021. Kết quả: Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Lê Thị Thùy L.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) nêu trên, bà Lê Thị Thùy L tiếp tục thực hiện việc khiếu nại (lần hai) và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với bà Lê Thị Thùy L theo Quyết định số 5012/QĐ-UBND ngày 05/11/2024. Kết quả: Không công nhận nội dung khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Qua rà soát hồ sơ, pháp lý có liên quan, đối với bà Lê Thị Thùy L trong dự án Khu công nghiệp H, giai đoạn 2 tại xã H, huyện N, Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N nhận thấy đã thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn tại thời điểm ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 424//2025/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy L gồm các yêu cầu

sau:

- Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lê Thị Thùy L, địa chỉ 146/7 tổ G, ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án Khu công nghiệp H, giai đoạn 2 tại xã H, huyện N.

- Hủy Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Thùy L;

- Hủy Quyết định số 5012/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Thùy L (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2025 người khởi kiện bà Lê Thị Thùy L kháng cáo Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện là bà Lê Thị Thùy L vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà L một suất tái định cư vì bà không còn chỗ ở nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh là ông Nguyễn Đình T phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Ngày 12/7/2018, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện N đã làm việc với các hộ dân để làm việc về lập hồ sơ bồi thường đối với các phần đất nằm trong dự án khu công nghiệp H, giai đoạn 2 tại xã H, trong đó có bà Lê Thị Thùy L. Ngày 02/8/2018, Hội đồng bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng của dự án đã thực hiện kiểm kê đất đai, tài sản trên đất của bà L. Ngày 26/4/2019, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng làm việc với bà L để kiểm tra diện tích đất, công trình xây dựng trên đất kèm theo là Bản đồ hiện trạng vị trí số 064/NB.KCNHP do Công ty TNHH Đ lập ngày 26/4/2019. Ngày 14/11/2019, Ủy ban nhân dân xã H có Văn bản xác minh về nguồn gốc sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất của bà L. Ngày 03/11/2020, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 1643/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ. Ngày 02/02/2021, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lê Thị Thùy L.

Căn cứ quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 68, 69 Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[3] Theo Giấy xác minh nguồn gốc sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất ngày 14/11/2019 thể hiện nguồn gốc phần đất có diện tích 141,2m² của bà Lê Thị Thùy L bị ảnh hưởng trong Dự án Khu công nghiệp H (giai đoạn 2) như sau:

Tổng diện tích 141,2m² thuộc phần Thửa 130 = 63,8m², Thửa 131 = 66m², Thửa 132 = 8,6m², rạch = 2,8m² (Theo Tờ bản đồ số 37, xã H), thuộc 1 phần Thửa số 3 = 125,5m², loại đất trồng lúa, rạch = 15,7m², Tờ bản đồ số 17, xã H (Theo tài liệu bản đồ số 02/CT-UB).

- Phần diện tích đất rạch 15,7m² bao gồm:

+ 12,9m² do bà Nguyễn Thị Ngọc Á và bà Mai Thị Kim C1 bồi đắp chống sạt lở từ năm 1999, việc bồi đắp không ảnh hưởng dòng chảy và giao thông thủy, năm 2003 bà L tiếp tục sử dụng đất này; phần đất này theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 064/NB.KCNHP do Công ty TNHH Đ thì có 1,2m² (kí hiệu số 8) được sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm và phần còn lại 11,7m² (kí hiệu số 4) được dùng vào mục đích để xây dựng nhà ở.

+ 2,8m² do bà L bồi đắp chống sạt lở từ năm 2005, việc bồi đắp không làm ảnh hưởng dòng chảy và giao thông thủy, theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 064/NB.KCNHP do Công ty TNHH Đ thì có 0,4m² (kí hiệu số 7) được sử dụng vào mục đích xây dựng nhà để ở ổn định và 2,4m² được sử dụng để trồng cây lâu năm.

- Phần diện tích đất thuộc Thửa số 3: 125,5m²:

Phần đất thuộc thửa số 3 trước đây là của ông Ngô Văn H2 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 12/8/1998) sử dụng với mục đích là trồng lúa có thời hạn 20 năm.

Năm 2003, bà Lê Thị Thùy L nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Ngọc Á và bà Mai Thị Kim C1 (theo Giấy viết tay), đất được bà L sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 064/NB.KCNHP ngày 26/4/2019 thì: Nhà và công trình trên đất (cấu trúc số 1, 2, 3 gồm mái tôn, cột đà, tường gạch, nền gạch) do bà Nguyễn Thị Ngọc Á và bà Mai Thị Kim C1 xây dựng năm 2001, không xin giấy phép xây dựng, không bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa được công nhận theo quy định; cấu trúc nhà số D, 6, 7 do bà L xây dựng năm 2005, sử dụng vào mục đích ở ổn định, không tranh chấp, nhà xây dựng không phép, không bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa được công nhận theo quy định.

[4] Theo Văn bản số 728/TNMT ngày 03/12/2020 của Phòng T1 thì: Về quy hoạch, vị trí đất của bà Lê Thị Thùy L thuộc cây xanh cách ly theo Quyết định số 6981/QĐ-UB-QLĐT ngày 23/12/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch chung huyện N.

[5] Xét thấy, căn cứ vào tài liệu nêu tại mục [3], [4] thì phần nhà, đất mà bà L đang quản lý sử dụng không đủ điều kiện được công nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 7, điểm h khoản 1 Điều 8 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 vì

nhà được xây dựng sau thời điểm công bố quy hoạch. Trong diện tích đất 141,2m² có 15,7m² thuộc rạch và 125,5m² đất trồng cây hàng năm (đất lúa). Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 141/PABT-HĐBT ngày 25/10/2011 thì việc bồi thường đất theo giá đất trồng cây hàng năm là 200.000 đồng/m² đối với diện tích trồng cây hàng năm (125,5m²), hỗ trợ công bồi đắp đối với diện tích 15,7m² thuộc rạch, không được hỗ trợ phần còn lại bồi đắp năm 2005 sử dụng không đúng mục đích, hỗ trợ về nhà ở và công trình trên đất và không xem xét tái định cư của Ủy ban nhân dân huyện N khi thu hồi đất của bà L theo Quyết định 123/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 là phù hợp.

[6] Do Quyết định 123/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 được ban hành đúng quy định pháp luật, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N có Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 (giải quyết khiếu nại lần 1), Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có Quyết định số 5012/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 (giải quyết khiếu nại lần 2) bác khiếu nại của bà L là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh nên bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là bà Lê Thị Thùy L;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 424/2025/HC-ST ngày 25/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Áp dụng Điều 68, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy L gồm các yêu cầu sau:

- Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lê Thị Thùy L, địa chỉ 146/7 tổ G, ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án Khu công nghiệp H, giai đoạn 2 tại xã H, huyện N.

- Hủy Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Thùy L;

- Hủy Quyết định số 5012/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Thùy L (lần hai).

2. Các quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0029988 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự (02b);
- Lưu VP (5), HS (2).16b.PPC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình